ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẢNG ỦY XÃ GIA LỘC
*

Số 419 -BC/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Gia Lộc, ngày 17 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO

tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tháng 11 năm 2026

Thực hiện Công văn số 423-CV/UBKTTU, ngày 12/02/2026 của Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ về báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Ban Thường vụ Đảng ủy xã Gia Lộc báo cáo kết quả thực hiện tháng 11/2026 với các nội dung cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY

- Trong tháng, Đảng ủy, HDND, UBND, UBMTTQ xã tiếp tục chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết 57 và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên; ban hành 06 văn bản[1] lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện. Các văn bản ban hành, tham mưu ban hành đều đảm bảo yêu cầu về tính rõ ràng và khả thi.

- Đảng ủy đã đưa nội dung, chỉ đạo đưa nội dung giám sát thường xuyên việc thực hiện Nghị quyết 57 và Quyết định 204 vào chương trình kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy năm 2026.

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57

Trên cơ sở các văn bản cấp trên, Đảng ủy, UBND, UBMTTQ xã đã xây dựng kế hoạch cụ thể. Các kế hoạch ban hành thể hiện sự chủ động với tinh thần: Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thẩm quyền; xác định cụ thể những nhiệm vụ trọng tâm tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực thực hiện.

2. Thống kê số cuộc họp của Ban Chỉ đạo/Thường trực Ban Chỉ đạo/lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan liên quan

Từ 16/10-15/11/2026 đến nay Ban chỉ đạo xã có 01 cuộc họp có nội dung liên quan.

---

[1] Kế hoạch số 171-KH/ĐU ngày 27/10/2026 về triển khai số hoá hồ sơ cán bộ, hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ trong đảng; Thông báo số 1945/TB-UBND ngày 21/10/2026 về tổ chức đợt cao điểm hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng số; Công văn số 2433/UBND-KT ngày 22/10/2026 về tiếp tục triển khai hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam năm 2026, Công văn số 2470/UBND-KT ngày 26/10/2026 về triển khai Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030, Công văn số 2497/UBND-KT ngày 28/10/2026 về cung cấp thông tin tài khoản học trực tuyến nâng cao kiến thức, kỹ năng số cơ bản "Bình dân học vụ số", Công văn số 2547/UBND-VHXH ngày 02/11/2026 về đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai Đề án "Hải Phòng - Thành phố Đổi mới sáng tạo".

3. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện

- Tổng số nhiệm vụ giai đoạn này 92 (tiến độ theo dõi trên trang https://theodoinq.dcs.vn), trong đó: N*hóm nhiệm vụ về Thể chế là 15; Dữ liệu là 22; Nền tảng là 15; Bồi dưỡng, tập huấn và tuyên truyền là 13; Tổ chức thực hiện là 18; Chỉ đạo, điều hành tác nghiệp trên môi trường số là 09*), số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn là 92/92.

4. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan: Không

5. Việc báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Hệ thống pakn.nq57.vn: Không có

6. Việc xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ đề ra, tổng hợp gửi Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để đưa vào theo dõi trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn: Về tiến độ, toàn bộ 16 nhiệm vụ giai đoạn 1 và 92 nhiệm vụ giai đoạn 2 đều được tổ chức thực hiện nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ trên hệ thống https://theodoinq.dcs.vn và hoàn thành 100% kế hoạch.

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Đảng ủy, UBND xã đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Nghị quyết 57 và các chương trình, kế hoạch của cấp trên; rà soát, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách, bảo đảm tiến độ và hiệu quả. Đảng ủy, UBND xã đã chỉ đạo việc cập nhật dữ liệu để đảm bảo nguyên tắc "dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống" theo tinh thần Quy định số 05-QĐ/BCĐTW. Quy trình giải quyết TTHC theo mô hình số mới đã giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ so với trước.

2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Cấp uỷ, chính quyền xã đã xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên hàng năm. Sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, UBND xã và sự vào cuộc tích cực cả bộ máy và hệ thống chính trị, các cơ quan, đoàn thể, các thôn trên địa bàn xã nên việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã đã đạt được nhiều kết quả tốt, nhận thức về chuyển đổi của cán bộ, công chức và người dân số được nâng cao rõ rệt.

- Tồn tại, hạn chế

+ Thiếu cơ chế tài chính đặc thù ở cấp xã để khen thưởng, khuyến khích cán bộ, công chức và Tổ Công nghệ số cộng đồng có sáng kiến.

+ Một số quy trình liên quan đến nghiệp vụ liên thông khi thực hiện trên phần mềm dùng chung của thành phố, xã vẫn còn phát sinh lỗi vặt và chưa thật sự ổn định, dẫn đến việc phải điều chỉnh quy trình nội bộ liên tục.

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế: Năng lực tham mưu xây dựng các văn bản mang tính cơ chế, chính sách của cán bộ công chức còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào việc thực thi theo hướng dẫn.

- Giải pháp khắc phục: Xã tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức; chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn của thành phố để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời về nghiệp vụ, kỹ thuật; thường xuyên rà soát, cập nhật, chuẩn hóa quy trình nội bộ nhằm bảo đảm thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Người đứng đầu các đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân trong theo dõi, đề xuất và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan.

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

1.1. Về hạ tầng kỹ thuật số dùng chung

a) Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ

- Hiện nay, hệ thống đường truyền cơ bản đáp ứng yêu cầu khai thác các nền tảng số dùng chung của thành phố, Cổng Dịch vụ công Quốc gia và hệ thống quản lý văn bản, điều hành công việc. Đối với khu vực dân cư, xã đã phối hợp tuyên truyền, đề nghị các doanh nghiệp viễn thông tăng cường bảo đảm chất lượng phủ sóng, đáp ứng nhu cầu truy cập Internet của người dân trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng số thiết yếu.

- Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT: Xã đã chủ động rà soát hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin tại các bộ phận chuyên môn và Trung tâm phục vụ hành chính công xã, trên cơ sở đó đề xuất bố trí kinh phí để sửa chữa, thay thế một số thiết bị đã xuống cấp như máy tính, máy in, thiết bị mạng, bảo đảm phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính và điều hành công việc trên môi trường điện tử.

- Việc khắc phục tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin: Trong quá trình khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của thành phố, xã đã kịp thời phản ánh, phối hợp với cơ quan chuyên môn và đơn vị kỹ thuật để xử lý các lỗi phát sinh liên quan đến đăng nhập, kết nối, đồng bộ dữ liệu và ký số. Các lỗi cơ bản được khắc phục kịp thời, hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành.

- Trên địa bàn xã Gia Lộc hiện nay các thôn đều đã có điện lưới và sóng di động; hạ tầng viễn thông cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động chuyển đổi số và phục vụ nhu cầu thông tin, liên lạc của người dân.

b) Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại xã cơ bản đáp ứng yêu

cầu khai thác các hệ thống, nền tảng số dùng chung của thành phố; đường truyền Internet tại trụ sở và các điểm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ổn định. Việc sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản điện tử được duy trì, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và giảm thời gian xử lý công việc.

- Tồn tại hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã sử dụng lâu năm, hiệu năng thấp, ảnh hưởng đến tốc độ xử lý công việc. Việc khắc phục lỗi kỹ thuật của các hệ thống dùng chung vẫn phụ thuộc nhiều vào đơn vị quản lý cấp trên, nên trong một số thời điểm chưa được xử lý kịp thời.

- Nguyên nhân: Nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại cấp xã còn hạn chế; hạ tầng kỹ thuật phụ thuộc vào các nền tảng và hệ thống do thành phố quản lý, vận hành.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục rà soát, đề xuất bố trí kinh phí để từng bước nâng cấp, thay thế trang thiết bị CNTT; tăng cường phối hợp với cơ quan chuyên môn và đơn vị kỹ thuật của thành phố để kịp thời xử lý các lỗi hệ thống; chủ động xây dựng phương án bảo đảm an toàn, thông suốt hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số tại xã.

1.2. Về dữ liệu, nền tảng số

a) Tình hình kết quả thực hiện

Trong tháng xã đã phối hợp với cơ quan chuyên môn và đơn vị kỹ thuật của thành phố để khắc phục, xử lý kịp thời các vấn đề tồn tại, bảo đảm các hệ thống vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng của cán bộ, công chức và nhu cầu tiếp cận dịch vụ công trực tuyến của người dân, tổ chức.

Hạ tầng công nghệ thông tin tại xã đã có chuyển biến tích cực theo hướng từng bước chuẩn hóa và đồng bộ hơn; xã đã rà soát, sắp xếp lại hệ thống mạng nội bộ, chuẩn hóa việc sử dụng tài khoản, phân quyền truy cập các hệ thống dùng chung và thống nhất cấu hình thiết bị tại các bộ phận chuyên môn.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh phí còn hạn chế, một số trang thiết bị vẫn chưa được thay thế đồng bộ, dẫn đến hạ tầng kỹ thuật tại một số vị trí làm việc chưa thật sự đồng đều về hiệu năng so với yêu cầu vận hành các nền tảng số mới. Xã tiếp tục đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ từng bước hoàn thiện, chuẩn hóa hạ tầng theo lộ trình chung của thành phố.

- Việc chỉnh lý, số hóa các tài liệu lưu trữ trước và sau sáp nhập: Đã tổ chức rà soát, phân loại và chỉnh lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ của các đơn vị hành chính trước và sau khi sáp nhập. Công tác số hóa tài liệu được triển khai gắn với việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử của thành phố, ưu tiên các nhóm hồ sơ liên quan đến hộ tịch, đất đai, an sinh xã hội và giải quyết thủ tục hành chính.

Đảng ủy tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch triển khai số hoá, tạo lập hồ sơ

đảng viên trong Đảng bộ xã Gia Lộc. Tính đến ngày 15/11/2026: Tổng số hồ sơ đảng viên cần số hóa là 2.752, số đã thực hiện scan, ký số và cập nhật trên phần mềm 4.0 là 2.752 hồ sơ đạt 100%.

Xây dựng và triển khai kế hoạch số hoá hồ sơ cán bộ, hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ trong đảng: Đến nay đã rà soát, kiểm kê và nhập liệu 32/32 hồ sơ, đảm bảo theo đúng tiến độ của Thành uỷ.

b) Nhận xét, đánh giá

Các nền tảng, ứng dụng số đang triển khai tại xã từng bước được cải thiện về giao diện và tính ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, công chức trong xử lý công việc hằng ngày. Tuy nhiên, việc liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa một số hệ thống chuyên ngành và hệ thống dùng chung còn hạn chế; trong một số thời điểm, dữ liệu chưa được cập nhật kịp thời, ảnh hưởng đến việc tra cứu, tổng hợp và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

Hiện nay, các nền tảng, ứng dụng số đang được sử dụng chủ yếu theo chỉ đạo, phân công của thành phố, phục vụ trực tiếp công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Nguy cơ lãng phí chủ yếu phát sinh trong trường hợp một số chức năng của hệ thống chưa được khai thác đầy đủ do hạn chế về kỹ năng sử dụng của cán bộ hoặc trùng lặp chức năng giữa các phần mềm chuyên ngành.

So với tháng trước, hạ tầng công nghệ thông tin tại xã đã được cải thiện theo hướng ổn định, đồng bộ hơn trong kết nối mạng và sử dụng các nền tảng số dùng chung. Tuy nhiên, trang thiết bị tại một số bộ phận còn chưa được thay thế đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu năng làm việc.

- Ưu điểm: Công tác triển khai các nền tảng, ứng dụng số được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ theo chỉ đạo của thành phố; nhận thức và kỹ năng sử dụng hệ thống của cán bộ, công chức từng bước được nâng cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, tăng tính minh bạch và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Việc liên thông dữ liệu giữa các hệ thống chưa thật sự đồng bộ; hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị tại một số vị trí làm việc còn hạn chế; năng lực chuyên sâu về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ phụ trách chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai các nhiệm vụ kỹ thuật phức tạp.

- Nguyên nhân: Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin tại cấp xã còn hạn chế; các hệ thống phần mềm, nền tảng số do nhiều đơn vị quản lý, vận hành, dẫn đến khó khăn trong việc đồng bộ, liên thông; đội ngũ cán bộ CNTT, CĐS chưa được bố trí chuyên trách.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí nâng cấp, thay thế trang thiết bị CNTT theo lộ trình; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số và kiến thức kỹ thuật cho cán bộ phụ trách; phối hợp chặt chẽ

với cơ quan chuyên môn và đơn vị kỹ thuật của thành phố để chuẩn hóa, liên thông các hệ thống, nền tảng số.

1.3. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

a) Tình hình kết quả thực hiện

Từ ngày 15/10- 14/11/2026 Trung tâm phục vụ hành chính công xã đã thực hiện 23 thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ. Số thủ tục hành chính cấp xã: 323 thủ tục, trong đó số DVC trực tuyến một phần 109 thủ tục, DVC trực tuyến toàn trình 212 DVCTT, 02 TTHC chưa cung cấp DVCTT. Việc ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC xã thực hiện theo quy trình nội bộ do UBND thành phố ban hành; việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC (tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: 3027 hồ sơ; hồ sơ từ kỳ trước 57 hồ sơ; đã giải quyết 3030 hồ sơ; hồ sơ giải quyết quá hạn 0 hồ sơ, rút 0 hồ sơ, đang giải quyết 54 hồ sơ. Trong đó, số lượng hồ sơ trực tuyến 3026/3027 hồ sơ đạt 99,97%; theo số liệu thống kê trên Cổng DVC từ ngày 15/10/2026 đến ngày 14/11/2026 số hồ sơ số hóa của địa phương là 3027/3027 hồ sơ (đạt 100%); tỉ lệ tái sử dụng lại dữ liệu số hóa hồ sơ 99,41%.

UBND xã xây dựng dự thảo phương án giải quyết TTHC theo nguyên tắc: lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, công khai, áp dụng công nghệ số và cơ sở dữ liệu dùng chung, không phát sinh thêm chi phí hoặc thời gian cho người dân.

- Việc cung cấp TTHC không phụ thuộc địa giới: Địa phương đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết, trong đó địa phương đã đi vào vận hành thực tế ở một số lĩnh vực.

Tổng số TTHC phi địa giới triển khai tại Trung tâm Phục vụ HCC xã là 1989 TTHC không phụ thuộc vào địa giới, trong đó số TTHC cấp sở, ngành 1666 TTHC, cấp xã 323 TTHC.

- Trong tháng: Đảng uỷ phối hợp với Văn phòng Thành uỷ đã tổ chức hội nghị tập huấn triển khai thủ tục hành chính của Đảng gia đoạn 2, tính đến ngày 14/11/2026: Đảng uỷ đã tiếp nhận và giải quyết 3279 hồ sơ (570 hồ sơ lấy ý kiến nhận xét của chi uỷ, chi bộ nơi cư trú đối với đảng viên đang công tác, 2079 hồ sơ thu nộp đảng phí). 100% hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến.

b) Nhận xét, đánh giá

- Tháng 11/2026, tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt cao 99,97 %. Tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình được chuẩn hóa quy trình, cho phép người dân, doanh nghiệp thực hiện toàn bộ quy trình trực tuyến, không phải nộp hồ sơ trực tiếp.

- Đánh giá DVCTT cho doanh nghiệp: Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với doanh nghiệp trên địa bàn xã đạt 100 %, UBND xã tiếp tục chỉ đạo

các bộ phận chuyên môn tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện DVCTT, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã đã được triển khai theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn nguy cơ lãng phí do một số hồ sơ đã được số hóa nhưng tỷ lệ khai thác, tái sử dụng còn thấp; việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống chưa đồng bộ, dẫn đến trùng lặp trong thực hiện số hóa.

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

+ Ưu điểm; Việc triển khai TTHC, dịch vụ công trực tuyến được thực hiện theo quy định góp phần rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tồn tại, hạn chế: Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến chưa đạt 100%;

+ Khó khăn, vướng mắc: Kỹ năng số của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, thói quen sử dụng dịch vụ trực tuyến còn chưa phổ biến; một số quy trình, chức năng hệ thống chưa thực sự thuận tiện cho người sử dụng.

+ Nguyên nhân: Công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa thường xuyên, chưa đa dạng hình thức; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành còn chưa đồng bộ, thống nhất, việc liên thông dữ liệu còn hạn chế.

+ Giải pháp khắc phục: Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, nhất là dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tăng cường tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức; phối hợp hoàn thiện hạ tầng, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, bảo đảm việc tiếp nhận và giải quyết TTHC được thông suốt, hiệu quả.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến chủ yếu xuất phát từ quá trình triển khai trong điều kiện vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vừa tổ chức chuyển đổi số; công tác phối hợp, hướng dẫn và tuyên truyền tại một số thời điểm chưa thật sự đồng bộ. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật và quá trình hoàn thiện hệ thống thông tin của các cấp cũng có ảnh hưởng nhất định; Ủy ban nhân dân xã đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và xác định đây là nội dung cần tiếp tục tập trung khắc phục trong thời gian tới.

2. Về xã hội số

a) Tình hình kết quả thực hiện

- 100% cán bộ, công chức xã đã hoàn thành các khoá học dành cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên nền tảng "Bình dân học vụ số".

Chuyển đổi hoàn toàn từ văn hóa "giấy tờ" sang "văn hóa dữ liệu". Cán bộ cấp xã hiện chủ động xử lý nghiệp vụ trên môi trường điện tử, giảm thời gian hội họp trực tiếp nhờ khai thác tốt các nhóm Zalo nghiệp vụ và phần mềm quản lý văn bản và hệ điều hành tác nghiệp dùng chung của đảng https://dhtn.dcs.vn/). Cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng bảo mật thông tin cơ bản để tránh rò rỉ dữ liệu dân cư trong quá trình xử lý hồ sơ hành chính.

- Duy trì hiệu quả Tổ CNSCĐ tại 20 thôn, 100% Nhà văn hóa thôn được trang bị đường truyền Internet để người dân dễ dàng tra cứu. Phối hợp với Viettel/VNPT hướng dẫn người dân trưởng thành cài đặt trình duyệt an toàn, chữ ký số cá nhân và các ứng dụng thanh toán hóa đơn điện, nước không dùng tiền mặt.

b) Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Người dân bắt đầu hình thành thói quen "số hóa" trong đời sống (mua sắm online, nộp hồ sơ qua mạng). Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 100%, giảm áp lực trực tiếp tại bộ phận Một cửa.

- Tồn tại, hạn chế: Người lao động trung niên và cao tuổi vẫn gặp khó khăn khi thao tác các thủ tục hành chính trực tuyến; tình trạng tin nhắn rác, lừa đảo qua mạng xã hội vẫn diễn biến phức tạp, đánh vào tâm lý thiếu kinh nghiệm của người dân nông thôn.

- Nguyên nhân: Tâm lý thói quen sử dụng tiền mặt và trực tiếp gặp cán bộ của người dân nông thôn chưa thể thay đổi triệt để trong thời gian ngắn; một số thành viên Tổ CNSCĐ còn kiêm nhiệm nhiều việc, chưa dành đủ thời gian để hướng dẫn chuyên sâu cho từng hộ gia đình.

- Giải pháp khắc phục

+ Giao chỉ tiêu cho Tổ CNSCĐ hướng dẫn cụ thể từng nhóm hộ gia đình theo phương châm "người biết dạy người chưa biết".

+ Tận dụng hệ thống loa truyền thanh thông minh để phát bản tin về kỹ năng số, cảnh báo lừa đảo hàng ngày.

+ Kiến nghị cấp trên hỗ trợ kinh phí bảo trì, nâng cấp trang thiết bị số tại các nhà văn hóa thôn.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Lãnh đạo UBND xã chịu trách nhiệm việc chưa quyết liệt trong kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổ CNSCĐ tại một số địa bàn thôn chưa tích cực; tổ trưởng Tổ CNSCĐ các thôn chịu trách nhiệm trực tiếp về tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại thôn mình quản lý còn thấp.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CĐS: Không có

- Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh: Không có

- Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước: Xã tiếp tục sử dụng zalo mini app "Gia Lộc Smart" để tuyên truyền các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gửi phản ánh, kiến nghị của người dân và một số chỉ số phục vụ công tác điều hành, qua đó hỗ trợ lãnh đạo xã nắm được tâm tư nguyện vọng của người dân từ đó phục vụ người dân được tốt hơn. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng nền tảng MISA OneAI - MISA AI Agent phục vụ cho công việc.

2. Nhận xét, đánh giá

Xã tập trung thực hiện vai trò phối hợp, tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện để doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp cận các chương trình, chính sách, hoạt động hỗ trợ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do thành phố và các sở, ngành tổ chức, từng bước nâng cao nhận thức và khả năng tham gia của khu vực kinh tế trên địa bàn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trên địa bàn xã hiện chưa có doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ICT, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển (R&D); chưa có doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chưa triển khai được các mô hình hợp tác "Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp", chưa hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hoặc các mô hình đô thị thông minh theo tiêu chí của thành phố. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn chủ yếu là quy mô nhỏ và vừa, hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ và sản xuất nhỏ lẻ; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn ở mức cơ bản, tập trung vào sử dụng các nền tảng số phổ biến như mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, phần mềm bán hàng và thanh toán không dùng tiền mặt.

V. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST, CĐS

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: UBND xã mở hội nghị tập huấn trải nghiệm Robot thông minh hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và tập huấn giải pháp MISA OneAI và MISA AI Agent cho toàn thể cán bộ công chức xã, lãnh đạo các nhà trường, bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ công nghệ số cộng đồng.

- Kết quả khắc phục việc nhân sự công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn thiếu và yếu (trong đó, nêu rõ số lượng nhân sự chuyên môn CNTT, CĐS đã được

bổ sung và số lượng các địa phương, đơn vị hiện nay còn thiếu nhân sự chuyên môn CNTT, CĐS): Hiện xã chưa có cán bộ chuyên trách riêng về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, nhiệm vụ chủ yếu được thực hiện theo hình thức kiêm nhiệm.

Xã tiếp tục duy trì hoạt động của 20 Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các thôn, phát huy vai trò nòng cốt trong việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và sử dụng các ứng dụng số thiết yếu, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và bảo đảm an toàn trên môi trường số.

- Việc hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia phát triển, nhất là các lĩnh vực: Trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử : Không có

2. Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá kết quả, chất lượng sau đào tạo, bồi dưỡng

Sau khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã cơ bản nắm vững các kỹ năng số cơ bản, sử dụng thành thạo các nền tảng số dùng chung trong quản lý văn bản, điều hành công việc và giải quyết thủ tục hành chính. Tỷ lệ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về chuyển đổi số và an toàn thông tin đạt tăng dần, tuy nhiên, năng lực chuyên sâu về công nghệ thông tin, quản trị hệ thống và phân tích dữ liệu còn hạn chế.

- Ưu điểm: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, triển khai kịp thời; hình thức đào tạo đa dạng, linh hoạt; nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân từng bước được nâng cao. Hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng phát huy hiệu quả, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Xã chưa có nhân sự chuyên trách về CNTT, CĐS dẫn đến hạn chế trong việc tham mưu và triển khai các nhiệm vụ kỹ thuật chuyên sâu. Một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi, còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ số.

- Nguyên nhân: Nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại cấp xã còn thiếu; điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; khối lượng công việc chuyên môn lớn, trong khi nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng mở rộng.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ đào tạo chuyên sâu, tăng cường tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách CNTT, CĐS; đẩy mạnh vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, hướng dẫn để nâng cao kỹ năng số trong cộng đồng.

VI. VỀ AN TOÀN THÔNG TIN, AN NINH MẠNG, BẢO VỆ THÔNG TIN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Đảng uỷ, UBND xã đã rà soát toàn bộ các tài khoản hệ thống, cán bộ, phân quyền phù hợp với vị trí nhiệm vụ, vị trí công tác; thu hồi các tài khoản của các cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu, chuyển vị trí công tác...; áp dụng xác thực đa nhân tố, lưu nhật ký đăng nhập và không chia sẻ, dùng chung tài khoản.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ, triển khai các biện pháp kỹ thuật (hạ tầng, hệ thống), chính sách, quy chế an toàn thông tin theo chỉ đạo cấp trên, quản lý tài khoản, thiết bị được cấp, báo cáo sự cố, đồng thời gắn liền với chuyển đổi số (CĐS) địa phương, đảm bảo an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và nghiệp vụ tại địa phương.

2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu được UBND xã quan tâm chỉ đạo triển khai theo quy định; các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cơ bản được vận hành an toàn, ổn định; cán bộ, công chức từng bước nâng cao nhận thức về an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng hệ thống, phần mềm và dữ liệu điện tử.

- Tồn tại, hạn chế: Việc triển khai các biện pháp bảo mật chuyên sâu còn hạn chế; một số hệ thống chưa được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ; công tác sao lưu, quản lý, bảo vệ dữ liệu điện tử chưa thực sự đồng bộ, tiềm ẩn rủi ro mất an toàn thông tin.

- Khó khăn, vướng mắc**:** Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị bảo đảm an toàn thông tin còn thiếu và chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về an toàn thông tin, an ninh mạng tại cấp xã còn hạn chế. Việc hỗ trợ kỹ thuật từ các cơ quan chuyên môn cấp trên đôi khi chưa kịp thời.

- Nguyên nhân: Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo đảm an toàn thông tin còn hạn hẹp; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức chưa được tổ chức thường xuyên; một số quy trình, hướng dẫn kỹ thuật chưa được cập nhật kịp thời.

- Giải pháp khắc phục

Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của các bộ phận chuyên môn trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức rà soát, đánh giá mức độ an toàn của các hệ thống thông tin; kịp thời khắc phục nguy cơ mất an toàn thông tin.

Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức; từng bước hoàn thiện hạ tầng, bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình chuyển đổi số.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Những tồn tại, hạn chế trong công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu chủ yếu phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, khi nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện

bảo đảm còn hạn chế; việc tổ chức thực hiện và phối hợp tại một số thời điểm chưa thật sự đồng bộ. UBND xã đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và xác định đây là nội dung cần tiếp tục được quan tâm, khắc phục trong thời gian tới.

IV. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CĐS

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Tổng kinh phí bố trí năm 2026, gồm: Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã bố trí: 390.000.0000 đồng (Trong đó có 18 triệu đồng tiết kiệm chi). Đến thời điểm hiện tại đã giải ngân được 251.152.000 đồng đạt 67,51%.

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Căn cứ kế hoạch phân bổ kinh phí năm 2026, kinh phí dành cho KHCN, ĐMST, CĐS được quan tâm bố trí, đảm bảo phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm theo định hướng chung. Việc bố trí kinh phí thể hiện sự chủ động của đơn vị trong việc ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động đổi mới sáng tạo, từng bước nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn.

- Việc bố trí vốn cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng triển khai và nhu cầu thực tế. Tiến độ giải ngân được kiểm soát tốt, đảm bảo tuân thủ quy định tài chính và quy trình thanh quyết toán. Hiện tại, không phát sinh tình trạng chậm giải ngân nghiêm trọng, không có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt. Một số nội dung chi đã hoàn thiện thủ tục theo đúng quy định, đảm bảo tính chặt chẽ và minh bạch.

b) Tồn tại, hạn chế: Đặc thù của các nhiệm vụ dành cho KHCN, ĐMST, CĐS cần nhiều bước rà soát và đòi hỏi chuyên môn tốt; một số hồ sơ cần phải điều chỉnh, chỉnh sửa đảm bảo đúng, sạch, sống; năng lực triển khai chuyển đổi số tại địa bàn chưa đồng đều

c) Giải pháp, khắc phục

- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn công tác phát triển KHCN, ĐMST, CĐS trên địa bàn, lập Kế hoạch cụ thể ngày từ đầu năm.

- Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn và tài chính.

- Rút ngắn thời gian xử lý nội bộ, đảm bảo đúng tiến độ nhưng vẫn phải đúng quy định.

VI. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Tình hình kết quả thực hiện

- Xã đã tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư và các văn bản của Trung ương, Thành ủy, UBND thành phố về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gắn công tác phòng, chống lãng phí với quản lý, sử

dụng hiệu quả nguồn nhân lực, thời gian và nguồn lực công. Nội dung phòng, chống lãng phí được lồng ghép vào các hội nghị giao ban, sinh hoạt chi bộ, họp chuyên môn và chương trình công tác hằng năm của các cơ quan, đơn vị thuộc xã.

- Việc kiểm soát chặt chẽ, tránh nguy cơ lãng phí nguồn lực con người, thời gian và cơ hội: Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã đã tăng cường chỉ đạo việc phân công nhiệm vụ theo vị trí việc làm, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện nhiệm vụ; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc, hạn chế tình trạng chậm trễ, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ. Công tác rà soát, sắp xếp quy trình giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên nhằm loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết, giảm thời gian và chi phí cho người dân, tổ chức.

- Việc người đứng đầu chủ động nhận diện sớm nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc xã được giao trách nhiệm trực tiếp theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện các nguy cơ phát sinh lãng phí trong sử dụng thời gian làm việc, bố trí nhân sự và khai thác cơ sở vật chất, trang thiết bị. Các biện pháp phòng ngừa được triển khai ngay từ đầu thông qua việc kiểm tra nội bộ, đôn đốc tiến độ, chấn chỉnh kỷ luật hành chính và yêu cầu báo cáo định kỳ đối với các nhiệm vụ trọng tâm.

2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác phòng, chống lãng phí được xã quan tâm, triển khai đồng bộ; nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng cao. Việc phân công nhiệm vụ, kiểm soát thời gian giải quyết công việc và tinh giản quy trình thủ tục hành chính góp phần sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, hạn chế lãng phí thời gian, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Một số bộ phận, cá nhân còn chưa thật sự chủ động trong việc tự kiểm soát tiến độ công việc; việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thời gian và nguồn lực ở một số khâu chưa được lượng hóa bằng chỉ số cụ thể. Khối lượng công việc lớn trong khi biên chế hạn chế dẫn đến áp lực công việc cao, ảnh hưởng đến việc bố trí, sử dụng nguồn nhân lực một cách tối ưu.

- Nguyên nhân: Nhận thức và kỹ năng quản lý công việc của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; hệ thống công cụ theo dõi, giám sát tiến độ công việc chưa được ứng dụng đồng bộ, chủ yếu thực hiện thủ công hoặc bán điện tử.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện; xây dựng các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc gắn với trách nhiệm cá nhân và người đứng đầu; tăng cường kiểm tra nội bộ, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các biểu hiện lãng phí.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Cấp ủy và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc xã đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi theo Nghị quyết số 57 và các kế hoạch, chương trình hành động của Thành phố và xã; chủ động rà soát chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn tại địa phương để đề xuất các nhiệm vụ phù hợp. Một số nội dung trọng tâm như nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, phát huy vai trò Tổ Công nghệ số cộng đồng và hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyển đổi số đã được đề xuất, đưa vào kế hoạch và tổ chức triển khai kịp thời.

Các nhiệm vụ được xác định rõ; việc phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị và cá nhân được thực hiện cụ thể, gắn với vai trò người đứng đầu, tạo cơ sở thuận lợi cho việc theo dõi, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện.

Đa số các nhiệm vụ trọng tâm được triển khai đúng tiến độ, có mục tiêu, sản phẩm cụ thể và bước đầu mang lại hiệu quả thực chất trong công tác quản lý nhà nước và phục vụ người dân, tổ chức. Công tác chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý văn bản, điều hành công việc và tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số được duy trì nền nếp, tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và phương thức làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức.

Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, đặc biệt liên quan đến cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật, liên thông dữ liệu và nguồn lực đầu tư, xã đã kịp thời tổng hợp, báo cáo và kiến nghị Ban Chỉ đạo, cơ quan chuyên môn của Thành phố xem xét, cho ý kiến, hướng dẫn và hỗ trợ triển khai.

Cấp ủy, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị liên quan đã tăng cường phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành của Thành phố, các đoàn thể và Tổ Công nghệ số cộng đồng trong triển khai các nhiệm vụ có liên quan, nhất là trong công tác đào tạo, tuyên truyền, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận các nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

- Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế tài chính cho chuyển đổi số cơ sở: Ban hành hướng dẫn cụ thể về đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT đối với cấp xã; có chính sách hỗ trợ ngân sách Trung ương cho các xã.

2. Đối với thành phố

- Thành phố cần có kế hoạch phân bổ ngân sách và nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin cho các cấp xã để thực hiện các dự án chuyển đổi số.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số cho cán bộ xã và người dân, tập trung vào việc sử dụng các công cụ, nền tảng số mới, cũng như nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và lợi ích của chuyển đổi số.

- Đầu tư và nâng cấp hạ tầng mạng internet, wifi tại các khu vực công cộng, phát triển các nền tảng số dùng chung cho cấp xã như cổng thông tin, hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ và người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại địa phương.

Nơi nhận:
- UBKT Thành ủy (Để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- UBKT Đảng ủy xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị của xã;
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ GIA LỘC
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đỗ Văn Sáng